

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2017/DS-ST
Ngày 14-9-2017
V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Mạnh
2. Ông Trần Công Tài

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Đình Thuyền – Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2016/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2017/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2017/QĐST – DS ngày 29/8/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 212, tổ 9, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T ông Đỗ Văn T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh B.

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 26/3/2017).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị K, sinh năm 1966.

Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện H, tỉnh B.

(Bà T, bà K, ông H vắng mặt; ông T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/3/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Bà T là hộ kinh doanh mua bán cám gạo, thức ăn gia súc theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44I8000640 do Phòng tài chính – Kế hoạch thị xã Bình Long cấp đăng ký lần đầu ngày 20/9/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 17/9/2014.

Vào khoảng giữa tháng 3 năm 2016 qua sự giới thiệu của khách hàng quen nên bà T đồng ý bán chịu cám heo cho bà K, ông H bắt đầu từ thời điểm ngày 22/3/2016, sau khi giao xong cám lần 1 bà T còn nhiều lần giao cám heo cho bà K, ông H. Khi giao cám xong bà T yêu cầu bà K, ông H thanh toán tiền nhưng ông H, bà K nói chưa xuất heo nên không có tiền để trả. Đến ngày 09/8/2016 bà K, ông H viết giấy biên nhận có thiếu của chị T (Bình Long) số tiền là 115.320.000 đồng có chữ ký xác nhận của bà K và ông H.

Sau khi ký giấy chốt nợ ngày 09/8/2016 thì bà T tiếp tục bán thiếu cám heo cho bà K, ông H số tiền là 7.050.000 đồng. Ngày 07/9/2016 bà K, ông H trả được cho bà T số tiền là 30.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 30/6/2017 người đại diện theo ủy quyền cho bà T là ông Đỗ Văn T trình bày do lần mua cám heo với số tiền là 7.050.000 đồng bà T không ghi vào sổ sách và không có chữ ký của bà K, ông H nên bà T không yêu cầu bà K, ông H phải trả số tiền trên.

Hiện tại bà T khởi kiện yêu cầu bà K, ông H phải trả cho bà T số tiền là 85.320.000 đồng và lãi suất từ thời điểm chậm trả là ngày 09/10/2016 cho đến khi đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày ngày 15/6/2017, tại biên bản ghi lời khai ngày 08/9/2017 bị đơn bà Lê Thị K trình bày: Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án do bà H khởi kiện thì bà K có ý kiến. Toàn bộ số tiền 115.320.000 đồng là tiền nợ do bà và ông H mua cám heo thiếu. Bà K, ông H đã trả cho bà T số tiền là 30.000.000 đồng và xác nhận hiện tại còn nợ lại của bà T số tiền là 85.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền gốc là và lãi suất theo quy định pháp luật nhưng do điều kiện khó khăn nên bà K và ông H xin trả 5.000.000 đồng / tháng.

Đối với ông H mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông H không đến tòa án trình bày ý kiến của mình.

Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên tòa án có vi phạm thời hạn xử lý đơn nên đề nghị khắc phục và rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án. Về việc giải quyết vụ án: Bà K và ông H mua cám heo thiếu tiền của bà Thoa chưa trả nên đề nghị Tòa án buộc ông H, bà K phải trả cho bà T số tiền là 85.320.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị K, ông Nguyễn Công H về tranh chấp hợp đồng mua bán, bà Khánh, ông Hiệp có địa chỉ tại ấp Xa Trạch 1, xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là bà Lê Thị K, ông Nguyễn Công H, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, ông Đỗ Văn T đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án viết bản trình bày ý kiến, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chỉ có bà K 02 lần đến Tòa án viết bản tự khai và tòa án lấy lời khai của bà K, ngoài ra bà K và ông H không đến tòa án làm việc như thông báo của Tòa án đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Bà T là hộ kinh doanh bán thức ăn chăn nuôi. Bà K, ông H đã nhiều lần mua cám heo của bà T, việc mua bán cám heo giữa các bên được ghi vào sổ theo dõi sổ của mỗi bên để theo dõi về thời gian, số lượng cám, và tổng số tiền nhưng do chưa bán được heo nên ngày 09/8/2016 bà K, ông H có ghi giấy nhận nợ của bà T hứa khi bán heo sẽ trả cho bà T nhưng chỉ trả được 30.000.000 đồng, bà T đã nhiều lần đến nhà bà K, ông H để đòi tiền nhưng không trả. Quá trình làm việc và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà T yêu cầu ông H bà K phải trả số tiền còn thiếu và lãi suất theo quy định pháp luật. Từ đó có đủ căn cứ để xác định bà T khởi kiện yêu cầu bà K, ông H trả số tiền thiếu do mua cám heo và lãi suất theo quy định pháp luật là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng mua bán” thuộc khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005.

Hợp đồng mua bán cám heo giữa bà T và bà K, ông H mặc dù các bên không làm hợp đồng nhưng các bên có thỏa thuận miệng, bà T, bà K có ghi vào sổ theo dõi việc mua bán cám heo và có đối chiếu về số lượng, thời gian và số tiền, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp pháp và có giá trị thi hành đối với các bên.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa ông Đỗ Văn T là người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T trình bày: Theo giấy chốt nợ cám heo ngày 09/8/2016 bà K và ông H còn nợ là 115.320.000 đồng đây là chứng cứ do bà T giao nộp, bà K cũng thừa nhận nội dung trong theo giấy chốt nợ thì bà K và ông H còn nợ lại của bà T số tiền là 115.320.000 đồng phát sinh từ việc mua cám heo còn thiếu, sau đó bà K đã trả cho bà T số tiền là 30.000.000 đồng, còn lại 85.320.000 đồng, bà T yêu cầu bà K, ông H phải trả số tiền trên và lãi suất theo quy định. Đối với số tiền 7.050.000 đồng cám heo theo đơn khởi kiện mà bà K, ông H còn thiếu của bà T nhưng bà T chỉ ghi trong sổ theo dõi bán hàng của mình mà không có chữ ký của bà K, ông H nên bà T không yêu cầu ông H, bà K phải trả số tiền này nên hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chỉ có một mình bà K đến Tòa án viết bản tự khai và ghi lời khai, còn ông H không đến. Trong bản tự khai và biên bản ghi lời khai bà K cũng đã thừa nhận do chưa có tiền trả cho bà T nên bà và ông H đã viết giấy nợ còn thiếu của bà T số tiền là 115.000.000 đồng, sau đó đã trả được cho bà T số tiền là 30.000.000 đồng, bà K cũng đồng ý trả cho bà T số tiền là 85.320.000 đồng nhưng cho bà K trả 5.000.000 đồng/ 1 tháng bà T không đồng ý. Đối chiếu với các quy định pháp luật thì bà K, ông H phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà T theo quy định tại Điều 438 Bộ luật dân sự 2005, cụ thể tại Khoản 1 Điều 438 Bộ luật dân sự 2005 quy định: 1. Bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm đã thoả thuận; nếu không có thoả thuận thì phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm giao tài sản. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Thoa được chấp nhận.

Về thời điểm mà bà K, ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ: Theo biên bản ghi lời khai đối với bà K ngày 08/09/2017 bà K trình bày rõ nội dung trong giấy chốt nợ ngày 09/8/2017 khi bán heo thì bà K và ông H sẽ trả tiền cho bà T là ngày 09/10/2016. Tại phiên tòa ông Đỗ Văn T là người đại diện theo ủy quyền của bà T đồng ý xác định thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 09/10/2016 và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của ngân hàng nhà nước tại thời điểm chậm trả cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà K, và ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngoài nghĩa vụ phải trả số tiền gốc còn phải chịu lãi suất theo quy định. Tại khoản 2 Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “2. Bên mua phải trả lãi, kể từ ngày chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305 của bộ luật này, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản được áp dụng từ ngày 01/12/2010 cho đến nay là 9%/năm tương đương 0,75%/tháng và thời gian bà K, ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bà T từ ngày 09/10/2016 đến ngày 14/9/2017 là 11 tháng 05 ngày nên số tiền lãi sẽ là 7.145.550 đồng.

Tại phiên tòa ông T trình bày việc mua cám heo của bà K và ông H là để chăn nuôi heo phát triển kinh tế gia đình, đồng thời trong giấy nhận nợ đề ngày 09/8/2016

đều có chữ ký xác nhận của ông H, bà K cho nên cần buộc ông H, bà K phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ theo quy định tại Điều 27 Luật HNGĐ năm 2014.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Về án phí: Bà K, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 93, 147, 227, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các điều 280, 281, 282, 290, 305, 388, 401, 412, 428, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 27 Luật HNGĐ năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” của bà Nguyễn Thị T, tuyên xử:

1. Bà Lê Thị K, ông Nguyễn Công H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 85.320.000 đồng (tám mươi lăm triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng) và tiền lãi suất 7.145.550 đồng (bảy triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi đồng) tổng cộng là 92.465.550 đồng (chín mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Bà Lê Thị K, ông Nguyễn Công H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền là 4.623.277 đồng (bốn triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn hai trăm bảy mươi bảy đồng). Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch. Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 2.883.000 đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012082 ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

3. Bà Nguyễn Thị T, bà Lê Thị K, ông Nguyễn Công H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Hồ Văn Thanh